

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ Y TẾ

Số: 4798 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho 50 đơn vị sử dụng ngân sách là các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, cụ thể:

- | | |
|--|-----------------------------|
| - Thu phí: | 4.812.000.000 đồng |
| - Kinh phí Ngân sách nhà nước: | 954.570.653.000 đồng |
| Trong đó: | |
| - Chi hành chính nhà nước: | 30.516.000.000 đồng |
| - Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: | 1.211.000.000 đồng |
| - Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: | 839.059.653.000 đồng |
| - Chi bảo đảm xã hội: | 83.784.000.000 đồng |

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng các Phòng: Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Bảo trợ xã hội và Trẻ em; Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Phòng Giao dịch thuộc KBNN khu vực nơi ĐVSDNS giao dịch;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



Lê Quang Hùng

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Y tế An Khê

Mã số QHSDNS: 1029970

Chương 423

(Kèm theo Quyết định số 4798/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai)



Đơn vị tính: 1,000 đồng

STT	Nội dung	TC NKP	Tổng cộng	Hệ điều trị	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Phòng Dân số
	Mã số Loại				130	
	Mã số Khoản			132	131	151
	Mã loại dự toán				Đầu năm	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước					
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
1.1	Dự toán được giao		4.960.000	954.000	2.993.000	1.013.000
a	KP thực hiện tự chủ tài chính		0	0	0	0
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính		4.960.000	954.000	2.993.000	1.013.000
	Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ chi thường xuyên cho quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên		4.960.000	954.000	2.993.000	1.013.000
	- Quỹ tiền lương, phụ cấp và đóng góp theo quy định		4.420.000	954.000	2.615.000	851.000
	- Chi hoạt động thường xuyên		540.000		378.000	162.000
1.2	Dự toán bị khấu trừ		54.000	0	37.800	16.200
	Tiết kiệm 10% theo định mức phân bổ chi hoạt động năm 2026		54.000		37.800	16.200
1.3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN		4.906.000	954.000	2.955.200	996.800
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		4.906.000	954.000	2.955.200	996.800
	Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ chi thường xuyên cho quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên	12	4.906.000	954.000	2.955.200	996.800
	- Quỹ tiền lương, phụ cấp và đóng góp theo quy định	12	4.420.000	954.000	2.615.000	851.000
	- Chi hoạt động thường xuyên	12	486.000		340.200	145.800
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2.1	Dự toán được giao		367.968	184.968	147.000	36.000
a	KP thực hiện tự chủ tài chính		0			
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính		367.968	184.968	147.000	36.000
	- Quỹ tiền thường Nghị định 73/2024/NĐ-CP		239.000	56.000	147.000	36.000
	- Kinh phí hoạt động đăng bộ cơ sở		58.968	58.968	0	0
	- Chính sách hỗ trợ trong khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo và một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh		70.000	70.000		
2.2	Dự toán bị khấu trừ		0	0	0	0
2.3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN		367.968	184.968	147.000	36.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		367.968	184.968	147.000	36.000
	- Quỹ tiền thường Nghị định 73/2024/NĐ-CP	18	239.000	56.000	147.000	36.000
	- Kinh phí hoạt động đăng bộ cơ sở	12	58.968	58.968	0	0
	- Chính sách hỗ trợ trong khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo và một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh	12	70.000	70.000		
	Phòng Giao dịch thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực nơi đơn vị sử dụng NS giao dịch				Phòng Giao dịch số 8 - KBNN khu vực XV	